

Bản án số: 10/2023/HS-ST

Ngày: 11/01/2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Văn Thảo;

2/ Ông Tống Văn Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 303/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Lê Bảo C**, sinh năm 1987 tại Trà Vinh; thường trú: Ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B, sinh năm 1958 và bà Phan Thị Ng, sinh năm 1964; có vợ tên Hồ Thị Thanh T2, sinh năm 1989 và có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 17/11/2021 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì bị phát hiện. Bị cáo trốn và bị truy nã. Bị cáo bị bắt ngày 16/9/2022 và bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã T cho đến nay, có mặt.

**2. Nguyễn Thế S**, sinh năm 1992 tại Nghệ An; thường trú: Xóm Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế T1, sinh năm 1950 và bà Phan Thị H, sinh năm 1953; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 17/11/2021 và bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã T cho đến nay, có mặt.

**3. Võ Văn Tr**, sinh năm 1986 tại Khánh Hòa; thường trú: 96/44 khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1961; có vợ tên Nguyễn Thị Lan Ph, sinh năm 1987 và có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thế S:* Ông Thái Văn Ch – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH H – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 70/1E1 đường 109, khu phố 5, phường L, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- **Bị hại:** Công ty TNHH J; địa chỉ trụ sở chính: Lầu 1, 60 Nguyễn Đình C, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:* Bà Tsú Ngọc V; địa chỉ: 326A L, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 04/01/2023). Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nguyễn Thế S làm tài xế chở hàng cho Chi nhánh Công ty J tại khu phố K, phường Kh, thị xã T, tỉnh Bình Dương do ông Tô Chí L làm Giám đốc. Võ Văn Tr là công nhân bộ phận tài xế xe nâng của Công ty CP G tại phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Lê Bảo C là tài xế của Chi nhánh Công ty J nhưng đã nghỉ việc nên có quen biết với S và Tr.

S ngày 17/11/2021, C gọi điện thoại qua mạng xã hội zalo cho Tr và nói cho Tr biết ngày hôm nay sẽ có tài xế của Công ty J đến giao hàng là các linh kiện hàng gỗ sồi trắng cho Công ty CP G. Khi nào tài xế đến giao hàng, Tr cứ ký nhận đủ số kiện hàng như trong phiếu xuất kho của Công ty J, C sẽ cho Tr số tiền 10.000.000 đồng, Tr đồng ý.

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 17/11/2021, ông Tô Chí L phân công ông Phan Nguyễn Trung Ng là nhân viên kho của Công ty xuất 06 linh kiện hàng gỗ sồi trắng gồm các mã hàng 381588, 381523, 381560, 381478, 381493, 381578 giao cho Công ty CP G. Ông Ng gọi điện cho S điều khiển xe ô tô tải biển số 50H-02807 vào kho để ông Ng xuất 06 linh kiện hàng nêu trên lên xe để đi giao. Trong lúc đó, C gọi điện thoại cho S và nói khi nào ký nhận phiếu xuất kho thì chụp gửi cho C để C chỉ cho cách kiểm tiền, S đồng ý. Sau khi nâng hàng lên xe xong, S ký nhận hàng và nhận phiếu xuất kho rồi chụp hình gửi cho C qua tài

khoản mạng xã hội zalo số 0379.164.046. Sau đó, S điều khiển xe ô tô tải biển số 50H-02807 đến Công ty G để giao hàng. Trên đường đi đến đoạn đường ĐT-747B hướng về cầu K, S nhận được điện thoại từ số thuê bao 0379.164.046 của C yêu cầu S quay đầu xe chạy ngược về hướng Cây xăng K để đón C. Khi S chạy đến cổng Công ty W thuộc phường Kh thì gặp C đang đứng chờ, S dừng xe lại đón C. C nói S điều khiển xe chạy vào trong khu W, khi đến trước Cơ sở Gia công Gỗ Nguyễn Viết M của ông Nguyễn Viết M thì có một nam thanh niên không rõ lai lịch điều khiển xe nâng hàng màu xanh chờ sẵn, C nói với S quay đầu xe lại, đậu sát vào xưởng gia công gỗ của ông M rồi yêu cầu S mở bửng xe, đưa hai kiện hàng xuống rồi chạy xe qua Công ty G giao hàng, người bên đó sẽ ký nhận hàng đủ cho S, giao xong C cho S tiền. S đồng ý mở bửng xe cho nam thanh niên tên Tài điều khiển xe nâng hai kiện hàng số 381558 và số 381578 xuống để ở đường vào nhà kho cơ sở gia công gỗ của ông M. Sau khi S điều khiển xe ô tô tải biển số 50H-02807 đi giao hàng, ông L phát hiện S tự ý chuyển địa điểm giao hàng nên ông L đi theo định vị của xe ô tô tải biển số 50H-02807. Đến nơi ông L phát hiện S, C và T3 điều khiển xe nâng vừa xuống 02 kiện hàng số 381558 và 381578, ông Linh giữ S lại và trình báo cho Công an phường Kh biết sự việc, C và nam thanh niên tên T3 điều khiển xe nâng chạy thoát. Qua làm việc, S và Tr đã thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của ông L.

Công an phường Kh thu giữ: 01 kiện hàng gỗ sồi trắng mã số 381558 có khối lượng 2,99m<sup>3</sup>, gồm 234 cây gỗ kích thước dài 3,1m, rộng 75-250mm; 01 kiện hàng gỗ sồi trắng mã số 381578 có khối lượng 2,37m<sup>3</sup>, gồm 231 cây gỗ kích thước dài 2,5m, rộng 75-250mm; 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max có số sim 0868.164.133 của Nguyễn Thế S.

Sau khi xác lập hồ sơ ban đầu, Công an phường Kh chuyển hồ sơ cùng vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T giải quyết theo thẩm quyền.

Bản kết luận định giá tài sản số 187/KLTS-TTHS ngày 23/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản thị xã T xác định: 01 kiện hàng gỗ sồi trắng mã số 381558 có khối lượng 2,99m<sup>3</sup> nêu trên trị giá 54.579.062 đồng và 01 kiện hàng gỗ sồi trắng mã số 381578 có khối lượng 2,37m<sup>3</sup> nêu trên trị giá 43.261.665 đồng. Tổng giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 97.840.727 đồng.

Hai kiện hàng gỗ sồi trắng mã số 381558 và 381578 là tài sản hợp pháp của Chi nhánh Công ty J. Ngày 26/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 01 trả lại cho ông Tô Chí L.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Tô Chí L không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra, do không xác định được Lê Bảo C hiện đang làm gì, ở đâu nên ngày 12/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ban hành Quyết định tách vụ án hình sự số 18, Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ

án hình sự số 22, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 22, Quyết định truy nã số 28 đối với Lê Bảo C.

Ngày 16/9/2022, Lê Bảo C bị Công an phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương bắt và giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T xử lý theo quy định. Ngày 19/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ban hành Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự đối với bị can số 46, Quyết định phục hồi điều tra bị can số 48 đối với C.

Bản Cáo trạng số 02/CT-VKSTU ngày 13/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Bảo C, Nguyễn Thế S, Võ Văn Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Bảo C từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thế S từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Võ Văn Tr từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì nên không đề nghị Hội đồng xét xử đặt ra xem xét.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max màu xanh rêu; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thế S giấy phép lái xe hạng D và căn cước công dân.

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thế S tranh luận:* Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đề nghị truy tố đối với bị cáo S. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo S thực hiện tội phạm dưới sự chỉ đạo của bị cáo C. Bị cáo S có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại và tại phiên tòa được đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Hiện nay, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, mẹ mất sớm, cha lớn tuổi, bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi cha già và các con còn nhỏ tuổi. Đề nghị Hội đồng xét

xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt và mức hình phạt bằng với thời gian tạm giam để bị cáo có cơ hội trở về với gia đình, làm người công dân có ích cho xã hội và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, đại diện bị hại thống nhất nội dung cáo trạng truy tố các bị cáo. Tại phiên tòa, về phần trách nhiệm dân sự đại diện bị hại không yêu cầu gì, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S, đối với hai bị cáo còn lại đại diện bị hại không có ý kiến gì.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố.

Các bị cáo và đại diện bị hại không có ý kiến trong phần tranh luận. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, trước sau thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như tang, vật chứng thu giữ trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Ngày 17/11/2021, tại khu phố K, phường Kh, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Lê Bảo C, Nguyễn Thế S, Võ Văn Tr đã cấu kết với nhau lén lút chiếm đoạt 01 kiện hàng gỗ sồi trắng mã số 381558 có khối lượng 2,99m<sup>3</sup> trị giá 54.579.062 đồng và 01 kiện hàng gỗ sồi trắng mã số 381578 có khối lượng 2,37m<sup>3</sup> trị giá 43.261.665 đồng của Chi nhánh công ty J thì bị phát hiện bắt quả tang. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm chiếm đoạt là 97.840.727 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức được

hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham mà vẫn cố ý thực hiện, thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác. Quá trình điều tra, bị cáo C bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tại phiên tòa đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S; gia đình bị cáo S và bị cáo Tr có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên S và Tr còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét về vai trò của các bị cáo để áp dụng mức hình phạt: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo C là người rủ rê, chỉ đạo cho bị cáo S, Tr thực hiện tội phạm; bị cáo S là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy tài sản, Tr là đồng phạm thực hành tích cực nhằm che giấu tội phạm các bị cáo đã thực hiện. Hội đồng xét xử thấy cần thiết cách ly bị cáo C và bị cáo S ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo. Đối với bị cáo Tr có vai trò không đáng kể trong vụ án, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là cần thiết nhưng nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không ảnh hưởng xấu đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó không cần thiết áp dụng hình phạt tù mà cho bị cáo Tr được hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đảm bảo mục đích giáo dục, răn đe bị cáo và thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Người bào chữa cho bị cáo S đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo S dưới khung hình phạt và mức hình phạt bằng với thời gian tạm giam là chưa phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Điện thoại di động Iphone 11 Pro Max là phương tiện bị cáo S dùng để liên lạc với C thực hiện tội phạm nên

cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; giấy phép lái xe hạng D và căn cước công dân của bị cáo S không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo.

[11] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Lê Bảo C, Nguyễn Thế S, Võ Văn Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

#### *1. Về trách nhiệm hình sự:*

1.1 Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Lê Bảo C** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/9/2022.

1.2 Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thế S** 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/11/2021.

1.3 Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao;

Xử phạt bị cáo **Võ Văn Tr** 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án (Ngày 11/01/2023).

*Giao bị cáo Võ Văn Tr cho UBND phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.*

*Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

2. *Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:* Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max màu xanh rêu, số imei: 352877112455188.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thế S giấy phép lái xe hạng D và căn cước công dân tên Nguyễn Thế S.

*(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/8/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).*

3. *Án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo Lê Bảo C, Nguyễn Thế S, Võ Văn Tr chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Tâm**